

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 215/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 giữa:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1979.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Tổ 03, ấp B, xã D, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 11 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Mỹ T và ông Nguyễn Tuấn K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Giữa bà T ông K sống chung với nhau có 02 người con chung tên Nguyễn Trần Tuấn A, sinh ngày 19/6/2003 và Nguyễn Trần Khánh N, sinh ngày 06/3/2007.

Bà T ông K thỏa thuận như sau: Giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng con tên N đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Đây cũng là nguyện vọng của cháu N xin được sống cùng với mẹ. Đối với con tên

A hiện đã trưởng thành (trên 18 tuổi), có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không yêu cầu nên miễn xét.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Không ai được ngăn cản quyền thăm non, chăm sóc con chung.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Về án phí*: Án phí HNGĐST là 150.000<sup>d</sup>. Mỗi bên phải chịu ½. Bà T phải nộp 75.000<sup>d</sup>, ông K phải nộp 75.000<sup>d</sup>. Bà Kiều tự nguyện nộp hết án phí, được khấu trừ vào án phí tạm nộp số tiền 300.000<sup>d</sup> theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0001747 ngày 24/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương. Hoàn trả lại số tiền 150.000<sup>d</sup> cho bà Trần Thị Mỹ T.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.*

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Cao Thị Mai**